

Số: 60 /QĐ-ĐVSG

TP.HCM, ngày 15 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng
ngành Công nghệ Ô tô**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐẠI VIỆT SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 3502/QĐ-BGDĐT ngày 4 tháng 7 năm 2007 Quyết định số 5983/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 9 năm 2007 về thành lập Trường và theo Quyết định số 818/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 03 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên thành Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn;

Căn cứ Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội Quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi xét, công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Biên bản thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Công nghệ Ô tô hệ Cao đẳng ngày 07 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm định;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này là chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng ngành Công nghệ Ô tô, khóa 17.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các Phòng, Khoa, Tổ bộ môn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐQT; BGH (để b/cáo)
- Như Điều 3;
- Lưu VT,ĐT.



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo quyết định số: 60 /QĐ-ĐVSG-ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn)

- Tên ngành đào tạo : Công nghệ Ô tô
- Mã số ngành đào tạo : 6510216
- Trình độ đào tạo : Cao đẳng
- Hình thức đào tạo : Chính quy
- Đối tượng tuyển sinh : Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tham gia dự tuyển, xét tuyển vào Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và theo phương án tuyển sinh riêng của trường.
- Thời gian đào tạo : 2,5 năm – 3 năm

1 Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân công nghệ ô tô có kiến thức nền tảng áp dụng vào việc sửa chữa, bảo dưỡng, dịch vụ trong lĩnh vực ô tô, có năng lực giải quyết những vấn đề liên quan đến ngành công nghệ ô tô - máy động lực; có kỹ năng thực hành cao, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học đáp ứng nhu cầu cần thiết của xã hội về ngành công nghệ ô tô - máy động lực.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Kiến thức

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về điện – điện tử, cơ ứng dụng, vẽ kỹ thuật, vật liệu cơ khí, khí nén – thủy lực ... cho việc tiếp thu kiến thức chuyên môn nghề công nghệ kỹ thuật ô tô;

+ Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các hệ thống trên động cơ, hệ thống treo, lái, phanh, truyền lực và điện ô tô;

+ Trình bày được qui trình bảo dưỡng của các hệ thống trên động cơ, hệ thống treo, lái, phanh, truyền lực và điện ô tô;

+ Nhận biết và trình bày được cách vận hành các thiết bị và dụng cụ sử dụng trong chuyên môn nghề;

- + Chẩn đoán và xác định được các sai hỏng của ô tô;
- + Phân tích được các nguyên nhân gây sai hỏng của các hệ thống trên động cơ, hệ thống treo, lái, phanh, truyền lực và điện ô tô;
- + Trình bày được các phương pháp và công nghệ sửa chữa cho ô tô;
- + Trình bày được các qui trình vận hành và kiểm tra cho ô tô;
- + Mô tả được các phương pháp hiệu chỉnh các thông số làm việc của các hệ thống trên ô tô, bảo đảm đúng các điều kiện qui định của nhà sản xuất;
- + Tiếp thu và chuyển giao được công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;
- + Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2 Kỹ năng

- + Bảo dưỡng xe đúng qui trình, đảm bảo các thông số và yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất;
- + Thực hiện đúng các qui trình kiểm tra và chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô;
- + Dự đoán chính xác các sai hỏng của ô tô;
- + Tháo và lắp thành thạo các chi tiết, các cơ cấu và hệ thống trên ô tô;
- + Thực hiện sửa chữa đúng quy trình, qui phạm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;
- + Lập được kế hoạch tổ chức sửa chữa và quản lý các công việc phù hợp với các điều kiện nơi làm việc;
- + Sử dụng thành thạo các thiết bị và dụng cụ dùng cho chuyên môn nghề;
- + Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp;
 - Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
 - Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3 Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- + Chấp hành tốt các qui định pháp luật, chính sách của nhà nước;
- + Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- + Giải quyết tốt công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện môi trường làm việc thay đổi;
- + Thực hiện tác phong công nghiệp, có ý thức kỷ luật lao động cao, có trách nhiệm với công việc, thích ứng với môi trường lao động trong bối cảnh hội nhập Quốc tế;

- + Chấp hành tốt các nội qui, qui định tại nơi làm việc, có năng lực tự chủ, sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ khi được giao;
- + Luôn có tinh thần học hỏi, rèn luyện tính cẩn thận, chịu khó, tập trung, sáng tạo để nâng cao kỹ năng thực hành đáp ứng yêu cầu công việc;
- + Tuân thủ các yêu cầu bảo đảm an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp;
- + Đánh giá được các kết quả công việc của mình và của các thành viên trong nhóm.

1.3. Vị trí công tác có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- + Bảo dưỡng ô tô;
- + Sửa chữa động cơ;
- + Sửa chữa hệ thống treo, lái, phanh và truyền lực ô tô;
- + Sửa chữa điện ô tô;
- + Kiểm tra chất lượng sản phẩm.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật ô tô trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học	: 35 môn học
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học	: 98 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương	: 435 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn	: 1905 giờ
- Khối lượng lý thuyết	: 697 giờ
- Khối lượng bài tập, thực hành, thực tập	: 1770 giờ
- Giờ kiểm tra	: 98 giờ

3. Nội dung chương trình:

S T T	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	TH/TT/ TN/BT/ TL	Kiểm tra/ Thi
I. Các môn học chung							
1	020001	Chính trị	4	75	41	29	5
2	020002	Pháp luật đại cương	2	30	18	10	2
3	020003	Tin học đại cương	3	75	15	58	2
4	020004	Tiếng anh căn bản	5	120	42	72	6
5	020005	Giáo dục Quốc phòng An ninh		75	36	35	4
6	020006	Giáo dục thể chất		60	5	51	4
Tổng			14	435	157	255	23
II. Kiến thức cơ sở ngành							
7	022807	Vẽ kỹ thuật	3	45	43	0	2
8	022808	Kỹ thuật điện tử	3	45	43	0	2
9	022809	Vật liệu cơ khí	3	45	43	0	2
10	022810	Nguyên lý máy - Chi tiết máy	3	45	43	0	2
11	022811	Thực hành điện tử cơ bản	3	90	0	88	2
12	022812	Kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp	2	30	28	0	2
13	022813	Công nghệ khí nén thủy lực	2	30	28	0	2
14	022814	Thực hành hàn cơ bản	3	90	0	88	2
Tổng			22	420	228	176	16
III. Kiến thức chuyên ngành							
15	022815	Cấu tạo Ô tô	3	45	43	0	2
16	022816	Nhập môn công nghệ ô tô	3	45	43	0	2
17	022817	Cấu tạo động cơ đốt trong	3	45	43	0	2
18	022818	Thực hành ô tô	4	120	0	115	5
19	022819	Thực hành động cơ 1 (tháo	3	90	0	88	2

		ráp ĐC)					
20	022820	Kỹ thuật vận hành ô tô	2	60	0	58	2
21	022821	Lý thuyết Ô tô	2	30	28	0	2
22	022822	Hệ thống điện - điện tử Ô tô	3	45	43	0	2
23	022823	Thực hành điện Ô tô 1 (Accu - KD-MP)	3	90	0	88	2
24	022824	Nguyên lý tính toán động cơ đốt trong	2	30	28	0	2
25	022825	Thực hành động cơ 2 (Đánh lửa - Phun xăng)	3	90	0	88	2
26	022826	Thực hành hệ thống điều khiển động cơ	3	90	0	88	2
27	022827	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật ô tô	2	30	28	0	2
28	022828	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2	30	28	0	2
29	022829	Thực hành điện ô tô 2 (CSTH)	3	90	0	88	2
30	022830	Thực hành hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	3	90	0	88	2
31	022831	Thực hành Diesel	3	90	0	88	2
32	022832	Quản lý dịch vụ ô tô	2	30	28	0	2
33	022833	Học kỳ doanh nghiệp	3	120	0	110	10
34	022834	Thực tập doanh nghiệp	5	225	0	220	5
Tổng			57	1485	312	1119	54
IV. Đồ án tốt nghiệp							
35	022835	Đồ án Tốt nghiệp	5	225	0	220	5
Tổng			5	225	0	220	5
Tổng cộng			98	2565	697	1770	98

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung nhà trường

Thực hiện theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

4.2. Xác định nội dung và thời gian dành cho khóa học

* Về giờ học:

- 1 tiết học lý thuyết	=	45 phút
- 1 tiết học thực hành/tích hợp	=	60 phút
- 1 tín chỉ lý thuyết	=	15 tiết
1 tín chỉ thực hành	=	30 tiết

(tại phòng thực hành, thảo luận,..)

Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ. Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

* Tổ chức dạy/ học lý thuyết và thực hành cơ bản/cơ sở được tiến hành tại trường, thực tập thực tế ngành được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

* Những nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH về việc Quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi xét, công nhận tốt nghiệp của Bộ trưởng Bộ lao động Thương binh và Xã hội.

* Sau mỗi hai năm học hoặc sau mỗi khóa học, Trường sẽ lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực được do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết môn học/ học phần.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và cách tính điểm

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo giáo viên, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả dạy học sẽ chuyển từ kiểm tra đánh giá lĩnh hội khái niệm sang kiểm tra đánh giá quá trình nhận thức thể hiện ở sự hiểu và khả năng vận dụng kiến thức cơ bản vào thực tiễn. Đồng thời kiểm tra hệ thống kỹ năng cần thiết, kiểm tra nhận thức, thái độ và góp phần phát triển tình cảm nghề nghiệp ở sinh viên.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** Trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm thái độ: Trọng số 0,3

(2). Điểm kiểm tra thường xuyên + định kỳ: Trọng số 0,7

=> Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = (Điểm thái độ x 0,3) + (Điểm kiểm tra x 0,7)

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

Ghi chú: Sinh viên được dự thi kết thúc môn học khi đảm bảo các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và yêu cầu của môn học;

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10.

4.4. Hướng dẫn làm Đồ án tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô và tích lũy đủ số tín chỉ trong chương trình mới được làm Đồ án tốt nghiệp. Khoa Công nghệ ô tô có trách nhiệm phân công giảng viên hướng dẫn sinh viên làm đồ án theo quy định của Nhà trường.

Căn cứ vào kết quả tích lũy tín chỉ của sinh viên, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên. Căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

K. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Lương Công Hiếu

H. VÀ K.

TRƯỜNG SỞ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã ngành: 6510216

